CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SX VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THỊNH

Nhà Máy : C5+C6 Khu CN Đình Trám - Việt Yên - Bắc Giang .

Trụ sở chính : 16 Võ Thị Sáu - Hai Bà Trưng - Hà Nội .

Điện thoại: 043.8213.303/ 6.226.312/9.781.274 - Fax : 043.625.2014

Webside : phuthinh.vn Email : phuthinhppr@fpt.vn

BẢNG GIÁ HÀNG FU SHENG PP-R

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15/10/2010

Code	Tên hàng	Giá bán		Code	Tên hàng	Giá bán	
A01	**ỐNG LẠNH**			**A11**	**ỐNG NÓNG**		
A0101	20 x2.3	12,800		A1101	20 x2.8	15,200	
A0102	25 x2.3	17,500		A1102	25 x2.8	22,400	
A0103	32 x2.9	27,000		A1103	32 x4.4	38,000	
A0104	40 x3.7	48,700		A1104	40 x5.5	58,200	
A0105	50 x4.6	66,800		A1105	50 x6.9	92,400	
A0106	63 x5.0	93,000		A1106	63 x8.0	138,000	
A0107	75 x6.0	149,000		A1107	75 x9.0	196,000	
A0108	90 x7.0	225,000		A1108	90 x10.0	297,000	
A0109	110 x 10.0	350,000		A1109	110 x15.0	540,000	
A0110	160 x 17.9	978,000					
A21	**ỐNG NÓNG**			**52**	**VAN NHỰA BI MẠ TAY VÀNG**		
A2101	20 x3.4	17,200		52001	20	34,500	
A2102	25 x3.5	23,200		52002	25	38,500	
A2103	25 x4.2	27,500		52003	32	54,000	
BK0	**ĐAI ĐỠ ỐNG**			**BV**	**VAN BI ĐỒNG**		
BK001	20	1,300		BV001	20	96,400	
BK002	25	1,800		BV002	25	135,600	
BK003	32	2,000		BV003	32	225,500	
BK004	40	2,500		BV004	40	473,000	
BK005	50	3,500		BV005	50	720,000	
BK006	63	4,400		BV006	63	1,150,000	
DA4	**VAN BI RẮC CO 2 ĐẦU**			**DA5**	**VAN BI REN NGOÀI**		
DA401	20	106,000		DA501	20	141,000	
DA402	25	122,000		DA502	25	185,000	
DA403	32	260,000		DA503	32	292,000	
DA404	40	421,000		DA504	40	-	
DA405	50	620,000		DA505	50	-	
DA406	63	960,000		DA506	63	-	

JF1	VAN CHUP TAM GIÁC	
JF101	20	131,000
JF102	25	144,000
JF103	32	158,000

JF2	VAN CHUP	
JF201	20	114,000
JF202	25	131,000
JF203	32	135,000

JF3	VAN CỬA TAY ĐỎ	
JF301	20	61,200
JF302	25	76,600
JF303	32	84,200
JF310	40_ đẹp	194,000
JF311	50_ đẹp	336,600
JF312	63_ đẹp	510,400
JF307	75	470,000
JF308	90	655,000
JF309	110	1,128,000

JF4	VAN CỬA TAY NHỰA	
JF401	20	87,800
JF402	25	114,200
JF403	32	124,200
JF404	40	205,000
JF405	50	355,000

DJ	ỐNG TRÁNH	
DJ1001	20	6,100
DJ1002	25	8,900
DJ1003	32	0

FL0	VÒNG ĐỆM	
FL004	75	27,500
FL005	90	47,500
FL006	110	76,000
FL010	160	207,000

QF3	VAN BI ĐỒNG RẮC CO 2 ĐẦU	
QF301	20	160,600
QF302	25	204,600
QF303	32	284,000

QF1	VAN BI NHỰA TAY VÀNG	
QF101	20	21,400
QF102	25	32,200
QF103	32	53,900
QF104	40	77,000
QF105	50	124,200

FL1	MẮT BÍCH	
FL104	75	64,500
FL105	90	80,500
FL106	110	96,000

FL2	MẶT BÍCH SẮT	
FL207	160	173,000

DD0	NÚT BỊT	
DD001	20	2,000
DD002	25	3,100
DD003	32	5,600
DD004	40	12,400
DD005	50	16,700
DD006	63	35,400
DD007	75	36,000
DD008	90	60,000
DD009	110	131,000

DD1	NÚT BỊT REN	
DD101	1/2_	2,000
DD102	3/4_	2,400
DD103	1incl_	2,900

H1	RẮC CO THƯỜNG	
H101	20	17,600
H102	25	24,800
H107	32_ Đẹp	47,000
H108	40_ Đẹp	76,200
H109	50_ Đẹp	120,200
H110	63_ Đẹp	172,000

HJ1	RẮC CO REN NGOÀI

HJ2	RẮC CO REN TRONG

HJ101	20 x1/2M	46,000		HJ201	20 x1/2F	45,100	
HJ102	25 x3/4M	68,200		HJ202	25 x3/4F	57,200	
HJ103	32 x1M	120,000		HJ203	32x1F	105,000	
HJ104	40 x1.1/4	230,000		HJ204	40x1.1/4F	210,000	
HJ105	50 x1.1/2	360,000		HJ205	50x1.1/2F	290,000	
HJ106	63 x 2	669,000		HJ206	63 x 2	550,000	
L01	**CÚT ĐỀU**			**L11**	**CHẾCH**		
L0101	20	4,100		L1101	20	3,600	
L0102	25	5,600		L1102	25	5,200	
L0103	32	10,700		L1103	32	7,100	
L0104	40	12,300		L1104	40	15,200	
L0105	50	17,600		L1105	50	23,000	
L0106	63	36,700		L1106	63	32,300	
L0107	75	75,300		L1107	75	78,300	
L0108	90	138,000		L1108	90	112,000	
L0109	110	230,000		L1109	110	165,000	
L0110	160	645,000					
L21	**CÚT REN TRONG**			**L31**	**CÚT REN NGOÀI**		
L2101	20 x1/2F	20,000		L3101	20 x1/2M	19,900	
L2103	25 x1/2F	22,300		L3103	25 x1/2M	22,200	
L2104	25 x3/4F	25,000		L3104	25 x3/4M	27,500	
L2106	32 x3/4F	25,900		L3106	32 x3/4M	28,700	
L2107	32 x1F	42,500		L3107	32 x1M	49,500	
S01	**MĂNG SÔNG ĐỀU**			**L6**	**CÚT THU**		
S0101	20	2,500		L601	25 x20	6,000	
S0102	25	3,600		L602	32 x20	7,500	
S0103	32	4,800		L603	32 x25	9,200	
S0104	40	7,800					
S0105	50	12,100		**S11**	**MĂNG SÔNG THU**		
S0106	63	19,400		S1101	25 x20	3,200	
S0107	75	38,700		S1102	32 x20	4,200	
S0108	90	72,600		S1103	32 x25	4,800	
S0109	110	117,400		S1104	40 x20	6,400	
S0110	160	198,000		S1105	40 x25	7,100	
				S1106	40 x32	7,300	
				S1107	50 x20	9,500	
S21	**MĂNG SÔNG REN TRONG**			S1108	50 x25	10,200	
S2101	20 x1/2F	19,200		S1109	50 x32	10,700	

S2103	25 x1/2F	19,800
S2104	25 x3/4F	23,100
S2106	32 x3/4F	25,000
S2107	32 x1F	47,700
S2108	40 x 1.1/4	117,700
S2109	50 x1.1/2F	156,800
S2110	63 x2	222,500
S2111	75 x2.1/2	576,400
S2112	90 x3	919,600
S2113	110 x4	1,363,000
S31	**MĂNG SÔNG REN NGOÀI**	
S3101	20 x1/2M	19,200
S3103	25 x1/2M	20,500
S3104	25 x3/4M	23,800
S3106	32 x3/4M	24,600
S3107	32 x1M	58,000
S3108	40 x1.1/4	142,000
S3109	50 x1.1/2M	200,400
S3110	63 x2M	304,800
S3111	75 x 2.1/2	645,000
S3112	90 x3M	988,000
S3113	110 x4M	1,430,000
T01	**TÊ ĐỀU**	
T0101	20	4,200
T0102	25	5,500
T0103	32	10,200
T0104	40	14,000
T0105	50	25,000
T0106	63	44,600
T0107	75	91,600
T0108	90	133,000
T0109	110	253,000
T0110	160	568,000
T21	**TÊ REN NGOÀI**	
T2101	20 x1/2M	20,300
T2103	25 x1/2M	24,800

S1110	50 x40	12,100
S1111	63 x20	16,100
S1112	63 x25	17,000
S1113	63 x32	17,500
S1114	63 x40	17,700
S1115	63 x50	19,200
S1116	75 x32	38,500
S1117	75 x40	41,300
S1118	75 x50	42,100
S1119	75 x63	44,300
S1120	90 x32	51,100
S1121	90 x40	52,900
S1122	90 x50	53,800
S1123	90 x63	56,200
S1124	90 x75	61,000
S1125	110 x50	101,600
S1126	110 x63	104,400
S1127	110 x75	108,600
S1128	110 x90	114,000
S1129	160 x110	227,000
T11	**TÊ THU**	
T1101	25 x20 x25	5,900
T1102	32 x20 x32	8,200
T1103	32 x25 x32	7,600
T1104	40 x20 x40	10,800
T1105	40 x25 x40	11,500
T1106	40 x32 x40	13,500
T1107	50 x20 x50	15,200
T1108	50 x25 x50	17,000
T1109	50 x32 x50	18,600
T1110	50 x40 x50	20,000
T1112	63 x25 x63	24,300
T1113	63 x32 x63	30,600
T1114	63 x40 x63	32,200
T1115	63 x50 x63	35,800
T1116	75 x32 x75	65,400
T1117	75 x40 x75	93,500

T2104	25x3/4M	26,000		T1118	75 x50 x75	105,300	
T2106	32 x3/4M	35,400		T1119	75 x63 x75	107,500	
T2107	32 x1M	50,000		T1122	90 x50 x90	108,200	
T31	**TÊ REN TRONG**			T1123	90 x63 x90	151,300	
T3101	20 x1/2F	19,000		T1124	90 x75 x90	159,500	
T3103	25 x1/2F	22,200		T1125	110 x50 x110	174,000	
T3104	25 x3/4F	29,500		T1126	110 x63 x110	180,000	
T3106	32x3/4F	33,800		T1127	110 x75 x110	191,000	
T3107	32 x1F	42,600		T1128	110 x90 x110	230,000	
				T1129	160x110x160	483,000	
DM0	**DAO, KÉO CẮT ỐNG**				**BT22**		
DM001	Kéo cắt ống _ 42			39,000	BT22003	Băng 3m	
DM002	Kéo cắt 50 xanh vàng			71,000	BT22004	Băng 5m	
DM003	Kéo cắt 50-màu đỏ			68,000	Băng trắng	10m	
DM004	Dao cắt ống			154,000	Băng vàng	10m	
DM005	Kéo cắt ống _ 63			187,000			
DM006	Kéo cắt đỏ vàng			90,000			
DLO	**MÁY HÀN**						
DL002	Máy hàn hộp nhựa 20-63 _ không kéo			282,000			
DL012	Máy hàn_Hộp xanh loại 1,_ không kéo			295,000			
DL022	Máy ĐT hộp sắt ghi 20-63,_ không kéo			405,000			
DL032	Máy hàn nhiệt hộp xanh 75-110			800,000			
DL201	Máy ĐT tinh xảo 63 (hộp vàng)_FS			560,000			
DL202	Máy ĐT có đồng hồ nhiệt 63 (hộp xanh)_ FS			680,000			
DL203	Máy ĐT có đồng hồ nhiệt 110_FS			1,100,000			
DL204	Máy hàn điện tử 160_			15,200,000			

**** Giá trên chưa bao gồm thuế VAT***

****Khách hàng có thể đặt sản xuất mẫu theo yêu cầu***

**** Đơn vị tính: ống là mét, phụ kiện là cái***

**** Giá trên có thể thay đổi do tình hình nguyên vật liệu không ổn định đề nghị Quý khách liên hệ trước khi đặt hàng để có giá chính xác.***